

phần còn lại được đưa vào 3 quỹ của xí nghiệp theo tỷ lệ sau đây:

- Quỹ tích lũy 30%
- Quỹ phúc lợi 50%
- Quỹ giáo dục
khen thưởng 20%

Những xí nghiệp có đủ điều kiện nộp lãi, phải trích nộp lãi cho Nhà nước từ 5% đến 10%. Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sẽ quy định cụ thể về việc trích nộp lãi cho Nhà nước theo sự hướng dẫn của Bộ Thương binh và xã hội và Bộ Tài chính.

Điều 23. — Trong thời gian thương binh, bệnh binh học nghề mà có làm ra sản phẩm và trong thời gian thương binh, bệnh binh đã tham gia sản xuất, nhưng vẫn lĩnh sinh hoạt phí của Nhà nước; xí nghiệp sản xuất của thương binh có thể trích ra tối đa không quá 20% doanh thu của xí nghiệp (sau khi đã trừ phần trích nộp khấu hao cơ bản và các chi phí sản xuất khác) để thưởng cho thương binh, bệnh binh có nhiều thành tích trong học tập và sản xuất. Số tiền thưởng cho mỗi người trong trường hợp xí nghiệp có doanh thu cao, không được quá một phần ba (1/3) sinh hoạt phí hàng tháng của người đó.

Phần doanh thu còn lại được chia đôi, một nửa đưa vào quỹ tích lũy của xí nghiệp, một nửa đưa vào quỹ phúc lợi.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. — Các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào điều lệ mẫu này và sự hướng dẫn của Bộ Thương binh và xã hội, ban hành điều lệ cụ thể cho từng xí nghiệp sản xuất của thương binh ở địa phương.

K. T. Thủ tướng Chính phủ
Phó thủ tướng
NGUYỄN DUY TRINH

PHỦ THỦ TƯỚNG

QUYẾT ĐỊNH số 110-BT ngày 26-6-1976
về việc thành lập thị trấn Xuân-hòa trực thuộc tỉnh Vinh-phủ.

BỘ TRƯỞNG PHỦ THỦ TƯỚNG

Căn cứ vào quyết định số 214-CP ngày 21-11-1970 của Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm cho

Phủ thủ tướng phê chuẩn việc phân vạch địa giới hành chính có liên quan đến các đơn vị hành chính xã và thị trấn;

Theo đề nghị của Ủy ban hành chính tỉnh Vinh-phủ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay phê chuẩn việc thành lập thị trấn Xuân-hòa trực thuộc tỉnh Vinh-phủ.

Địa giới của thị trấn Xuân-hòa gồm có diện tích dùng để xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng và các cơ sở phụ thuộc phục vụ cho các công trình trên theo quy hoạch đã được Nhà nước duyệt trên địa bàn xung quanh núi Thẩn-lân (xã Cao-minh), đồi thôn Thảng-trí (xã Thảng-trí), đồi thôn Ninh-kiều (xã Tân-dân) thuộc huyện Kim-anh, tỉnh Vinh-phủ.

Thị trấn Xuân-hòa được tổ chức bộ máy quản lý gọn, nhẹ thuộc biên chế Nhà nước.

Điều 2. — Ủy ban hành chính tỉnh Vinh-phủ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 26 tháng 6 năm 1976

Bộ trưởng Phủ thủ tướng

TRẦN HỮU DỤC

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC - TÀI CHÍNH -
HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI
KINH TẾ NHÀ NƯỚC

THÔNG TƯ liên bộ số 770-TT/LB ngày 10-6-1976 hướng dẫn thi hành một số điều khoản có liên quan đến công tác ngân hàng và tài chính trong Điều lệ về chế độ hợp đồng kinh tế ban hành kèm theo nghị định số 54-CP ngày 10-3-1975 của Hội đồng Chính phủ.

Ngày 10 tháng 3 năm 1975, Hội đồng Chính phủ đã ra nghị định số 54-CP ban hành Điều lệ về chế độ hợp đồng kinh tế. Ngày 23 tháng 6 năm 1975 Hội đồng trọng tài kinh tế Nhà nước đã ra thông tư số 525-HĐ hướng dẫn thực hiện Điều lệ. Nay liên bộ Ngân hàng Nhà nước -

09637283

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienHapDuat.com

Tài chính — Hội đồng trọng tài kinh tế Nhà nước ra thông tư hướng dẫn thi hành một số điều khoản trong Điều lệ về chế độ hợp đồng kinh tế có liên quan đến công tác ngân hàng và tài chính.

1. QUAN HỆ GIỮA VIỆC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN THANH TOÁN CHO VAY VÀ CẤP PHÁT VỐN

A. Việc tổ chức thực hiện thanh toán và cho vay của ngân hàng Nhà nước và ngân hàng kiến thiết.

1. Các cơ quan ngân hàng Nhà nước và ngân hàng kiến thiết (gọi tắt là các cơ quan ngân hàng) có nhiệm vụ tổ chức thực hiện nghiệp vụ cho vay và thanh toán theo đúng chế độ Nhà nước đã quy định.

2. Các cơ quan ngân hàng có liên quan mật thiết đến việc tổ chức chấp hành chế độ hợp đồng kinh tế, cần thực hiện tốt các điểm sau đây:

a) Các cơ quan ngân hàng chỉ tiến hành thanh toán và cho vay khi có hợp đồng kinh tế (trừ các trường hợp được quy định ở điểm 3). Thực hiện điểm này, các cơ quan ngân hàng kiểm soát số và ngày ký hợp đồng kinh tế được ghi chép đầy đủ trên các chứng từ thanh toán và chứng từ xin vay. Đối với các chứng từ thanh toán và chứng từ xin vay không có dòng in sẵn để ghi số và ngày ký hợp đồng, đơn vị lập chứng từ thanh toán hoặc xin vay phải ghi số, ngày ký hợp đồng vào dòng ghi mục đích (hoặc nội dung) của số tiền xin thanh toán hoặc xin vay. Đơn vị lập chứng từ thanh toán hoặc xin vay phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ghi đúng số, ngày ký hợp đồng kinh tế trên các chứng từ đó.

b) Trong những trường hợp cần thiết, ngân hàng được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị kinh tế phải xuất trình hợp đồng kinh tế để tiến hành kiểm soát trước khi thực hiện thanh toán và cho vay. Riêng việc mua và bán vật tư hàng hóa dùng trong khu vực xây dựng cơ bản, khi áp dụng thẻ thức thanh toán theo hợp đồng kinh tế ký kết giữa bên mua có tài khoản tại ngân hàng kiến thiết và bên bán có tài khoản tại ngân hàng Nhà nước thì hợp đồng kinh tế phải được gửi tới ngân hàng kiến thiết kiểm soát trước để bảo đảm có vốn thanh toán.

c) Trong quá trình thực hiện các mặt nghiệp vụ ngân hàng, nếu các cơ quan ngân hàng phát hiện các đơn vị thực hiện thanh toán hoặc xin

vay không có hợp đồng kinh tế (trừ các trường hợp được quy định ở điểm 3 tiếp sau), hoặc ghi không đúng số và ngày ký hợp đồng kinh tế (trường hợp ghi số và ngày ký hợp đồng của hợp đồng đã hết thời hạn hiệu lực cũng được coi như không có hợp đồng kinh tế), thì ngân hàng không tiến hành thanh toán và không cho vay, đồng thời áp dụng kỷ luật thanh toán, tưu dụng theo chế độ quy định và thông báo ngay sự việc vi phạm này cho Hội đồng trọng tài kinh tế để xét xử.

3. Các tổ chức, đơn vị kinh tế được thực hiện thanh toán và được ngân hàng xét cho vay mà không đòi hỏi có hợp đồng kinh tế trong những trường hợp sau đây:

a) Khi phải thi hành lệnh đặc biệt và khẩn cấp bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ và lệnh đặc biệt, khẩn cấp bằng văn bản trong phạm vi quyền hạn được phép của thủ trưởng các Bộ, Tổng cục, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

b) Khi mua, bán, cung ứng, vận chuyển nhất thời, đột xuất, thực hiện và thanh toán xong trong một lần.

c) Khi tiến hành những hoạt động kinh tế có tính chất đặc biệt được Hội đồng Chính phủ cho phép, như thanh toán và cho vay hàng nhập khẩu khi có đơn đặt hàng (theo nghị định số 200-CP ngày 31-12-1973 ban hành Điều lệ lập kế hoạch nhập khẩu, ký kết hợp đồng giao nhận và trả tiền hàng nhập khẩu — điều 13); thanh toán và cho vay để thanh toán công nợ dây dưa (theo chỉ thị số 219-TTg ngày 14-6-1975 của Thủ tướng Chính phủ).

d) Khi chưa được giao số kiểm tra, hoặc trong thời hạn tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế (theo điều 5 của thông tư liên bộ Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Hội đồng trọng tài kinh tế Nhà nước số 573-TT/LB ngày 10-7-1975) thì « thời hạn ký kết hợp đồng để xây dựng kế hoạch phải phù hợp với tiến độ kế hoạch; bắt đầu từ khi nhận được số kiểm tra của cấp trên giao và phải hoàn thành trước khi bảo vệ kế hoạch ».

đ) Khi các đơn vị thương nghiệp hoặc sản xuất thu mua vượt mức nghĩa vụ về hàng nông, lâm, thổ, hải sản cần thiết cho dự trữ sản xuất và lưu thông.

4. Hợp đồng kinh tế được coi là hợp lệ để có thể tiến hành thanh toán và cho vay, phải ghi đủ các điều khoản chủ yếu sau đây:

a) Tên địa chỉ, số hiệu tài khoản giao dịch tại ngân hàng và tên ngân hàng phục vụ hai đơn vị ký kết hợp đồng;

- b) Phải có hai chữ ký của mỗi bên ký kết :
 - Của thủ trưởng đơn vị,
 - Của kế toán trưởng.

Đối với các đơn vị chưa có quyết định chính thức cử người làm kế toán trưởng thì trưởng phòng hoặc tổ trưởng, hoặc người được chỉ định phụ trách công tác kế toán của đơn vị được quyền ký trên các hợp đồng kinh tế và phải chịu trách nhiệm như kế toán trưởng. Nếu những người này vắng mặt, thì người được thủ trưởng đơn vị chỉ định thay thế (bằng văn bản) cũng có quyền hạn và trách nhiệm như kế toán trưởng.

Thủ trưởng đơn vị trực tiếp ký kết hợp đồng hoặc có thể ủy nhiệm cho người đại diện ký kết hợp đồng kinh tế. Trong trường hợp ủy nhiệm, thủ trưởng phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng kinh tế đó.

Nếu người ký kết hợp đồng kinh tế là người được ủy quyền thì trên hợp đồng phải ghi rõ số, ngày của giấy ủy quyền.

c) Các điều khoản hai bên cam kết thực hiện phải được ghi thật cụ thể, như đã quy định trong điểm c và d, điều 11 của Điều lệ về chế độ hợp đồng kinh tế; đặc biệt cần chú ý tới các điều khoản về số lượng, chất lượng, giá cả, thời gian, địa điểm, phương thức giao nhận, phương thức thanh toán và trách nhiệm vật chất trong trường hợp vi phạm hợp đồng kinh tế.

5. Trong hợp đồng kinh tế phải ghi rõ một thẻ thức thanh toán nhất định mà hai bên ký kết hợp đồng đã thỏa thuận. Thẻ thức thanh toán đó phải đúng với quy định của chế độ thanh toán không dùng tiền mặt theo quyết định số 70-NH/QĐ ngày 27-9-1975 của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp thẻ thức thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế không đúng với quy định của chế độ thanh toán không dùng tiền mặt, thì ngân hàng có quyền từ chối thanh toán và hướng dẫn khách hàng áp dụng hình thức thanh toán thích hợp, có lợi cho cả hai bên.

Trường hợp đặc biệt, trong một hợp đồng kinh tế có thể ghi hai thẻ thức thanh toán, nếu có hai phương thức mua bán, giao nhận, vận chuyển hàng hóa và chi trả khác nhau, nhưng mỗi thẻ thức thanh toán nhất thiết phải phù hợp với phương thức mua bán, giao nhận, vận chuyển hàng hóa và việc chi trả, phải phù hợp với các quy định của chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

Trường hợp hai bên ký kết hợp đồng kinh tế không thống nhất với nhau về điều khoản thẻ thức thanh toán, hoặc trường hợp một trong hai bên vi phạm kỷ luật thanh toán, thì ngân hàng phục vụ bên bán được phép quyết định một thẻ thức thanh toán nhất định và hai bên ký kết hợp đồng kinh tế có nhiệm vụ phải thi hành.

6. Việc tiến hành thanh toán và cho vay của ngân hàng còn phải bảo đảm tôn trọng các chế độ thẻ lệ về thanh toán, tín dụng và quản lý tiền mặt đã được Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước ban hành.

B. Việc cấp phát vốn của tài chính.

1. Các cơ quan tài chính và ngân hàng kiến thiết có nhiệm vụ kịp thời xét duyệt và cấp phát vốn theo kế hoạch và hạn mức kinh phí cho các Bộ, các ngành, các địa phương để đảm bảo hoạt động của các đơn vị.

2. Các đơn vị hạch toán kinh tế chỉ được phép ký kết hợp đồng kinh tế mua vật tư, hàng hóa; cung ứng lao vụ trong phạm vi số vốn kinh doanh Nhà nước giao cho mình quản lý (gồm vốn ngân sách cấp, vốn ngân hàng cho vay, vốn tự có...). Các đơn vị dự toán chỉ được phép ký kết các hợp đồng nói trên trong phạm vi dự toán kinh phí được duyệt. Các hợp tác xã chỉ được phép ký kết các hợp đồng kinh tế trong phạm vi số vốn tự có và vốn vay của ngân hàng. Các đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, nếu vi phạm hợp đồng kinh tế mà bị phạt thì phải trích ở quỹ phúc lợi để trang trải khoản tiền phạt đó.

3. Khi có những nhiệm vụ đột xuất do Chính phủ giao ngoài chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, căn cứ vào lệnh của Chính phủ, Bộ Tài chính cấp phát vốn cho các Bộ, các ngành, các địa phương trong trường hợp thuộc vốn ngân sách cấp, hoặc ngân hàng cho vay trong trường hợp thuộc vốn vay của ngân hàng.

II. THỦ TỤC TRÍCH, NỘP TIỀN PHẠT VÀ TIỀN BỒI THƯỜNG DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG KINH TẾ

1. Tiền phạt:

a) Đơn vị vi phạm hợp đồng kinh tế — là xí nghiệp quốc doanh đã hạch toán kinh tế độc lập, phải lập ủy nhiệm chi trích từ tài khoản quỹ phúc lợi của xí nghiệp mở tại ngân hàng để nộp phạt. Trường hợp tài khoản của đơn vị vi phạm không đủ tiền để nộp phạt theo số tiền đã ghi trên ủy nhiệm chi, thì ngân hàng trích hết số tiền còn lại trên tài khoản đó; số tiền nộp phạt còn thiếu phải được ngân hàng theo dõi trích nộp tiếp khi tài khoản Quỹ phúc lợi của đơn vị vi phạm có tiền. Đơn vị vi phạm phải ghi số tiền phải nộp phạt còn thiếu vào sổ sách kế toán như là khoản còn nợ ngân sách để theo dõi và nộp tiếp.

b) Đơn vị vi phạm hợp đồng kinh tế — là đơn vị dự toán, phải lập giấy xin rút hạn mức kinh phí, trích từ « hạn mức kinh phí được phê

chuẩn» (hạng, mục dành để chi vào mục đích thi hành hợp đồng kinh tế), hoặc tài khoản tiền gửi vãng lai của cơ quan dự toán nếu có, mở tại ngân hàng. Nếu hạng, mục dành để chi vào mục đích hợp đồng kinh tế không còn tiền, đơn vị phải điều hòa kinh phí từ các hạng, mục khác trong phạm vi luật lệ tài chính cho phép để có tiền nộp phạt. Đơn vị không được trích từ hạng, mục chi về tiền lương và phụ cấp lương của cán bộ, công nhân viên và không được trích vào vốn kiến thiết cơ bản, nếu khoản phạt đó không thuộc hạng, mục kiến thiết cơ bản.

c) Đơn vị vi phạm hợp đồng kinh tế — là đơn vị chủ quản công trình (bên A) phải trích từ tài khoản Vốn xây dựng cơ bản mở tại ngân hàng kiến thiết để nộp phạt. Bên A phải lập báo cáo xin bộ chủ quản và ngân hàng kiến thiết bổ sung vốn, nếu xét cần thiết.

d) Đơn vị vi phạm hợp đồng kinh tế — là hợp tác xã hay tổ sản xuất có tài khoản mở tại ngân hàng Nhà nước, phải lập ủy nhiệm chi trích từ tài khoản Tiền gửi thanh toán của mình mở tại ngân hàng Nhà nước để nộp phạt.

đ) Tất cả các khoản tiền phạt trên được nộp vào ngân sách Nhà nước (loại V, khoản 116, hạng IV, thu lĩnh tinh của mục lục ngân sách Nhà nước). Các đơn vị phải nộp phạt thuộc địa phương quản lý nộp tiền phạt vào ngân sách địa phương; các đơn vị phải nộp phạt thuộc trung ương quản lý, nộp tiền phạt vào ngân sách trung ương.

2. Tiền bồi thường :

a) Đơn vị phải bồi thường — là xí nghiệp quốc doanh đã hạch toán kinh tế độc lập, phải lập ủy nhiệm chi trích tài khoản tiền gửi thanh toán của mình mở tại ngân hàng và phải hạch toán số tiền bồi thường đó vào khoản mục Quản lý phí xí nghiệp, để tính vào giá thành hay phí lưu thông.

b) Đơn vị phải bồi thường — là đơn vị dự toán, phải trích nộp tiền bồi thường như trích nộp tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế đã được quy định ở điểm b, mục 1 nói trên.

c) Đơn vị phải bồi thường — là đơn vị chủ quản công trình (bên A), phải nộp tiền bồi thường như trích tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế đã quy định ở điểm c, mục 1 nói trên.

d) Đơn vị phải bồi thường — là hợp tác xã hoặc tổ sản xuất có tài khoản mở tại ngân hàng Nhà nước phải trích nộp tiền bồi thường như trích tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, đã được quy định ở điểm d, mục 1 nói trên.

đ) Tất cả các khoản tiền bồi thường nói trên phải được đơn vị vi phạm chuyển trả qua ngân

hàng cho các đơn vị được bồi thường có tài khoản mở tại ngân hàng và ghi vào :

— Tài khoản Tiền gửi thanh toán của các đơn vị sản xuất, kinh doanh và được coi là khoản thu nhập về sản xuất kinh doanh ;

— Tài khoản Hạn mức kinh phí được phê chuẩn hoặc tài khoản Tiền gửi vãng lai của đơn vị dự toán và được coi là hạn mức kinh phí được khôi phục.

3. Thời hạn trích nộp tiền phạt và trích trả tiền bồi thường.

Các đơn vị vi phạm hợp đồng kinh tế phải nộp tiền phạt và trả tiền bồi thường theo đúng số tiền và thời hạn đã được ghi trong quyết định xét xử của Hội đồng trọng tài kinh tế. Qua thời hạn đó mà bên vi phạm hợp đồng kinh tế không nộp tiền phạt và trả tiền bồi thường, thì cơ quan ngân hàng (ngân hàng Nhà nước và ngân hàng kiến thiết), căn cứ quyết định xét xử của Hội đồng trọng tài kinh tế, chủ động trích từ các tài khoản của bên vi phạm hợp đồng kinh tế để nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền phạt vi phạm hợp đồng và chuyển cho đơn vị được nhận tiền bồi thường số tiền phải bồi thường; đồng thời trích phạt chậm nộp, chậm trả theo tỷ lệ 0,025% một ngày trên số tiền chậm nộp, chậm trả. Tiền phạt do chậm nộp, chậm trả được trích từ các tài khoản như đối với tiền phạt và tiền bồi thường; nộp tiền phạt do chậm nộp vào ngân sách Nhà nước; chuyển số tiền phạt do chậm trả tiền bồi thường cho đơn vị được nhận tiền bồi thường.

Nếu các tài khoản của đơn vị vi phạm không đủ hoặc hết tiền để trích nộp, trích trả, thì ngân hàng có trách nhiệm theo dõi để trích nộp, trích trả ngay khi các tài khoản này có tiền.

Nếu trong năm, các tài khoản để trích tiền phạt hoặc tiền bồi thường của các đơn vị vi phạm hợp đồng kinh tế không đủ tiền, hoặc không có tiền để trích, thì sang năm sau, khi các tài khoản của các đơn vị này có tiền, ngân hàng sẽ tiếp tục trích đủ số tiền phạt, hoặc tiền bồi thường chuyển trả cho đơn vị được hưởng.

III. TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT CỦA CÁC CƠ QUAN GÂY RA VI PHẠM HỢP ĐỒNG KINH TẾ

1. Đối với cơ quan quản lý cấp trên.

Điều 19 của bản Điều lệ về chế độ hợp đồng kinh tế đã quy định : « Nếu nguyên nhân vi phạm là do sự chỉ đạo có thiếu sót của cơ quan cấp trên thì bên vi phạm vẫn phải nộp phạt và

bồi thường thiệt hại. Cơ quan quản lý cấp trên có thiếu sót có trách nhiệm giải quyết kịp thời những thiệt hại gây ra cho đơn vị cơ sở ».

Trong trường hợp này, cơ quan quản lý cấp trên phải lập ủy nhiệm chi trích từ tài khoản của mình mở tại ngân hàng từ tài khoản Tiền gửi thanh toán nếu là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, hoặc trích từ tài khoản Hạn mức kinh phí được phê chuẩn, nếu là đơn vị dự toán, với số tiền bằng số tiền phạt và tiền bồi thường mà đơn vị cơ sở phải trả ngân hàng có nhiệm vụ trích và chuyển số tiền phạt và tiền bồi thường nói trên vào tài khoản trước đây của đơn vị cơ sở đã trích nộp tiền phạt, trích trả tiền bồi thường.

2. Đối với ngân hàng Nhà nước và ngân hàng kiến thiết.

Trường hợp các cơ quan ngân hàng không thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nghiệp vụ thanh toán, gây thanh toán chậm trễ làm thiệt hại vật chất cho đơn vị, do đơn vị này khiếu nại bằng viết và nếu cơ quan ngân hàng không chứng minh được là không phải do lỗi của mình, thì cơ quan ngân hàng phải chịu phạt chậm trả theo tỷ lệ 0,20% một tháng trên số tiền chậm trả để trả cho đơn vị được bồi thường.

Trường hợp tài khoản của đơn vị vi phạm hợp đồng có tiền; mà các cơ quan ngân hàng không chấp hành quyết định xét xử của Hội đồng trọng tài kinh tế đề chủ động trích nộp, trích trả kịp thời, sau khi có khiếu nại bằng viết của đơn vị mà cơ quan ngân hàng không chứng minh được là không phải là do lỗi, thiếu sót của mình, thì các cơ quan ngân hàng phải chịu phạt về việc thực hiện nghiệp vụ thanh toán chậm theo tỷ lệ 0,025% một ngày trên số tiền và số ngày chậm trích nộp, chậm trích trả. Số tiền phạt do chậm trích nộp, trích trả được trích từ tài khoản Chi nghiệp vụ đề nộp vào ngân sách Nhà nước (loại V-khoản 116-hạng 4-thu lĩnh tính của mục lục ngân sách Nhà nước) nếu là tiền phạt do chậm trích nộp phạt, hoặc chuyển cho đơn vị được bồi thường, nếu là tiền phạt do chậm trích trả tiền bồi thường.

IV. TRÁCH NHIỆM VẬT CHẤT CỦA CÁC CÁ NHÂN GÂY RA VI PHẠM HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Điều 23 của bản Điều lệ về chế độ hợp đồng kinh tế đã quy định: « Những cá nhân do thiếu tinh thần trách nhiệm đề gây ra vụ vi phạm, làm thiệt hại đến tài sản Nhà nước, thì tùy theo

trường hợp nặng, nhẹ sẽ bị xử phạt theo một hoặc cả 3 hình thức sau đây:

- Bị phạt tiền trừ vào lương; hoặc tiền thưởng cá nhân;
- Bị kỷ luật hành chính;
- Bị truy tố về hình sự theo pháp luật hiện hành.

Việc thực hiện cụ thể điều 23 nói trên được tiến hành theo nghị định số 49-CP ngày 9-4-1968 của Hội đồng Chính phủ về chế độ trách nhiệm vật chất.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI KINH TẾ VÀ QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI KINH TẾ VỚI CÁC CƠ QUAN TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ HỢP ĐỒNG KINH TẾ

1. Khi nhận được các đơn khiếu nại về việc vi phạm chế độ hợp đồng kinh tế của các đơn vị gửi đến, hoặc các thông báo của các cơ quan ngân hàng, tài chính về tình hình các cơ quan, đơn vị vi phạm hợp đồng kinh tế, Hội đồng trọng tài kinh tế các ngành, các cấp phải tổ chức thẩm tra, nghiên cứu và xét xử kịp thời. Trong quá trình xét xử, nếu thấy có những cá nhân do thiếu tinh thần trách nhiệm đề gây ra vụ vi phạm, thì trong quyết định xét xử, Hội đồng trọng tài kinh tế kiến nghị với cơ quan quản lý cấp trên hoặc thủ trưởng của đơn vị vi phạm hợp đồng về hình thức và mức độ xử phạt đối với cá nhân đó.

2. Hội đồng trọng tài kinh tế trong phạm vi chức năng quyền hạn của mình, tổ chức thanh tra việc trì hoãn ký kết hợp đồng kinh tế ở các cơ quan, đơn vị và thông báo kết quả cho các cơ quan chức năng cùng cấp theo dõi việc chấp hành chế độ hợp đồng kinh tế, phát hiện với các cơ quan có thẩm quyền những sai trái, thiếu sót trong hoạt động kinh tế của các ngành, các cấp, kiến nghị những biện pháp đề ngăn chặn, sửa chữa, khắc phục những sai trái, thiếu sót đó.

Các cơ quan tài chính, ngân hàng cần kịp thời giải quyết những vấn đề về hợp đồng kinh tế có liên quan đến ngành mình.

Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ, sơ kết, tổng kết công tác của ngành, hoặc khi thi hành các quyết định xét xử của Hội đồng trọng tài kinh tế, các cơ quan tài chính, ngân hàng cần phát hiện những vấn đề có liên quan đến hoạt

động của Hội đồng trọng tài kinh tế và kiến nghị với Hội đồng trọng tài kinh tế các biện pháp giải quyết những vấn đề đó.

Hà-nội, ngày 10 tháng 6 năm 1976

K.T. Tổng giám đốc Ngân
hàng Nhà nước Việt-nam

Phó tổng giám đốc

LÊ ĐỨC

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

Chủ tịch Hội đồng trọng tài kinh tế
Nhà nước

NGUYỄN QUANG XÁ

**ỦY BAN VẬT GIÁ NHÀ NƯỚC—
HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI KINH TẾ
NHÀ NƯỚC**

**THÔNG TƯ liên bộ số 409-TT/LB
ngày 11-6-1976 về việc áp dụng
giá cả trong ký kết và thực hiện
hợp đồng kinh tế.**

Thi hành nghị định số 54-CP ngày 10-3-1975 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ chế độ hợp đồng kinh tế, Ủy ban Vật giá Nhà nước và Hội đồng trọng tài kinh tế Nhà nước ra thông tư hướng dẫn áp dụng giá cả trong ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế như sau : Mỗi hợp đồng kinh tế đều phải có giá cả ; giá đó phải là giá chỉ đạo của Nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc giá thỏa thuận như quy định trong Điều lệ hợp đồng kinh tế và trong thông tư này. Nếu hợp đồng kinh tế không có giá theo quy định trong thông tư này đều không có giá trị pháp lý để thanh toán.

**I. CHẤP HÀNH NGHIÊM CHỈNH
GIÁ CHỈ ĐẠO CỦA NHÀ NƯỚC
TRONG VIỆC KÝ KẾT VÀ THỰC HIỆN
HỢP ĐỒNG KINH TẾ**

Nghị quyết số 210-CP ngày 9-9-1974 của Hội đồng Chính phủ chỉ rõ : « Giá cả phải được quản lý theo nguyên tắc tập trung, thống nhất và bằng các chính sách, chế độ... Các ngành, các

cấp cần phải kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách giá và các giá chỉ đạo. Nghiêm cấm các ngành, các cấp tùy tiện định giá, thay đổi giá chỉ đạo của Nhà nước ».

Căn cứ vào nguyên tắc chính sách giá, các chế độ quản lý giá chung của Nhà nước, các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành các hệ thống giá chỉ đạo của Nhà nước áp dụng trong các lĩnh vực kinh tế và đời sống. Bởi vậy, trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế, hai bên đều phải chấp hành nghiêm chỉnh giá chỉ đạo của Nhà nước.

Căn cứ vào tính chất hoạt động và phạm vi giao dịch, mỗi loại hợp đồng kinh tế phải áp dụng đúng giá chỉ đạo của hệ thống giá ấy như :

— Hợp đồng thu mua, gia công phải áp dụng giá thu mua hoặc giá gia công ;

— Hợp đồng mua, bán vật tư phải áp dụng giá bán buôn vật tư ;

— Hợp đồng mua, bán giữa xí nghiệp sản xuất và xí nghiệp thương nghiệp phải áp dụng giá bán buôn công nghiệp ;

— Hợp đồng mua bán giữa các tổ chức lưu thông, phân phối phải áp dụng giá bán buôn thương nghiệp ;

— Hợp đồng vận chuyển, xếp dỡ phải áp dụng giá cước ;

— Hợp đồng bán hàng nhập khẩu của ngoại thương cho các xí nghiệp, cơ quan trong nước phải áp dụng giá bán buôn hàng nhập ;

— Hợp đồng kinh tế giữa bên A và B trong xây dựng cơ bản phải áp dụng đơn giá xây dựng ;

— Giá xí nghiệp là giá đề xí nghiệp thanh toán với Nhà nước, không phải giá đề ký kết hợp đồng kinh tế, nhất thiết không được dùng loại giá này ghi vào hợp đồng kinh tế khác hoặc những giá đã hết hiệu lực đề ký kết hợp đồng kinh tế.

**II. KHI CHƯA CÓ GIÁ CHÍNH THỨC,
CÁC BÊN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ
ĐƯỢC PHÉP KÝ THEO GIÁ THỎA THUẬN**

Điều 13 Điều lệ về chế độ hợp đồng kinh tế có ghi : « Nếu chưa có giá quy định thì các bên ký kết hợp đồng kinh tế được phép tính theo giá thỏa thuận, đồng thời báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền xin duyệt giá... ».

1. Giá thỏa thuận nói ở đây là giá thỏa thuận trong nền kinh tế có kế hoạch dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, khác hẳn với giá thỏa thuận của thị trường tự do mang tính chất tự phát tư bản chủ nghĩa. Cho nên, trong ký kết hợp đồng kinh tế không thể căn cứ vào giá thị trường tự do để xác định giá thỏa thuận.